

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B – TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Nguyễn Văn Lớn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 589/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36a/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B. (có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Tăng Thanh T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Tăng Thanh T cưới nhau năm 2008, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B ngày 14/12/2009. Sau

khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường hay nhậu nhẹt, say sấn rồi về nhà kiểm chuyện gây sự, chửi mắng xúc phạm danh dự của chị, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn anh T nhưng không được, thậm chí anh T còn chửi và xúc phạm luôn cả cha mẹ và người nhà của chị, ngoài ra anh T không phụ chị chăm lo cho gia đình nên cuộc sống gặp nhiều khó khăn, vợ chồng thường cãi nhau nên mất hạnh phúc, trước đây mặc dù chị và anh T vẫn còn sống chung nhà nhưng việc ai nấy làm, không quan tâm chăm sóc nhau, tuy nhiên cách nay hơn 01 tháng anh T đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã dẫn theo con chung về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Chị nhận thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tăng Thanh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Tăng Thế K, sinh ngày 21/11/2009, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Tăng Thanh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh T thường

hay nhậu nhẹt say sỉn, không phụ chị H chăm lo cho cuộc sống gia đình từ đó giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải được. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh T. Sau khi thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình điều đó cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị H. Qua đó, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Tăng Thế K, sinh ngày 21/11/2009. Nhận thấy tại biên bản lấy ý kiến ngày 22/01/2019 cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, anh T không có ý kiến thể hiện việc tranh chấp về nuôi con chung. Do đó xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị H là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cũng phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu T bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Tăng Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Tăng Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B ngày 14/12/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[2.1] Xét thấy, về mâu thuẫn của vợ chồng chị H cho rằng anh T thường hay nhậu nhẹt, say sấn rồi về nhà kiếm chuyện gây sự, chửi mắng chị, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn anh T nhưng không được, thậm chí anh T còn chửi và xúc phạm luôn cả cha mẹ và người nhà của chị, ngoài ra anh T không phụ chị chăm lo cho gia đình nên cuộc sống gặp nhiều khó khăn, vợ chồng thường cãi nhau nên mất hạnh phúc. Xét thấy mặc dù đây chỉ là lời trình bày từ phía chị H nhưng bản thân anh T sau khi được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án. Qua đó, xét thấy chính bản thân anh T cũng không có thiện chí để hàn gắn hôn nhân với chị H.

[2.2] Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 13/02/2019, đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H anh T là gì thì địa phương không rõ, do đây là chuyện riêng trong gia đình nên địa phương không biết được, tuy nhiên theo hàng xóm nơi chị H và anh T sinh sống thì anh T đi làm hồ nhậu hay nhậu nhẹt say sấn. Tại biên bản xác minh đối với cha mẹ ruột của anh T thì cha mẹ anh T cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T đi làm hồ nhậu nhẹt rồi về nhà chửi chị H. Xét thấy kết quả xác minh của Tòa án và lời trình bày của chị H về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H anh T là đồng nhất với nhau, qua đó thấy được cuộc sống hôn nhân của chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn với nhau, nhưng chị H và anh T không có biện pháp hòa giải để dung hòa được nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Tăng Thế K, sinh ngày 21/11/2009. Hiện nay, cháu K đã trên 7 tuổi. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 22/01/2019 cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, anh T không có ý kiến thể hiện việc tranh chấp về nuôi con chung. Do đó, xét thấy yêu cầu của chị H yêu cầu được trực

tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Tăng Thanh T.

2. Về con chung: cháu Tăng Thế K, sinh ngày 21/11/2009.

Chị Nguyễn Thị H có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tăng Thế K, sinh ngày 21/11/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tăng Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị H phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022098 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lớn

Nguyễn Xuân Trường

Phạm Văn Long

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường – Huỳnh Thị Bích Vân

Trần Thị Phương Nhi

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngữ - Đặng Hoàng Tân

Trần Thị Phương Nhi

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Nhi

